TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/DS-ST

Ngày: 16 - 11 - 2022

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông Thanh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Kim Thành và ông Nguyễn Văn Đời.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lã Phú Huy - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022; giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP N**; địa chỉ: 201 – 203 C, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T- Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số theo giấy ủy quyền số 217/2018/UQQT –NHNA ngày 11/5/2018):

Ông Trần Ngọc T1 –Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại (theo giấy ủy quyền số: 57/2021/UQ – NHNA ngày 01/12/2021):

Ông Nguyễn Hải Đ - Giám đốc Khối Quản lý rủi ro.

Người đại diện theo ủy quyền lại (theo giấy ủy quyền số: 102/2022/UQ-NHNA-06 ngày 28/03/2022):

Ông Bùi Ngô B - Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Đà Nẵng.

Ông Nguyễn Nhật Q - Trưởng Bộ phận Kinh doanh khách hàng cá nhân.

Ông Huỳnh Bá Thành T - Nhân viên hỗ trợ kinh doanh theo giấy ủy quyền số: 102/2022/UQ-NHNA-06. *Có mặt.*

- Bị đơn*:* Ông **Từ Văn N**, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 26, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Đại diện nguyên đơn ông Huỳnh Bá Thành T trình bày:*

Ông Từ Văn Nhật đã ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 0184/2019/408-CV vào ngày 28/01/2019 để vay tiền của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đà Nẵng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng từng lần số 0184/2019/408-CV:

- Số tiền vay: 430.000.000 đồng.

- Thời hạn vay: 12 tháng.

- Lãi suất: 11%/năm. Lãi suất thay đổi định kỳ 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng;

- Mục đích vay: Vay tiêu dùng phục vụ đời sống.

- Dư nợ của khoản vay tạm tính đến ngày 28/03/2022 là: 577.397.521 đồng. Trong đó: nợ gốc: 430.000.000 đồng; nợ lãi: 147.397.521 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản nợ vay trên là xe ô tô mang nhãn hiệu MAZDA, biển kiểm soát: 43A 199.92, có số khung: PE10326286; số máy: 5726GC032607; số loại: CX-5 2.0G; dung tích: 1988cm^3; màu sơn: Xanh; số chỗ ngồi: 05 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Từ Văn N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 032525 cấp ngày 10/01/2017 tại Công an thành phố Đà Nẵng.

Tính đến ngày 28/3/2022, ông N còn nợ Ngân hàng số tiền: 577.397.521 đồng. Trong đó; nợ gốc: 430.000.000 đồng; nợ lãi: 147.397.521 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông N phải thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng ông N vẫn cố tình trốn tránh.

Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng TMCP N đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Từ Văn N phải thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử: 16/11/2022 là: 626.600.418 đồng *(Sáu trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm ngàn bốn trăm mười tám đồng).* Trong đó nợ gốc: 430.000.000 đồng; nợ lãi: 196.600.418 đồng.

Trường hợp ông Từ Văn N không thực hiện trả hết nợ vay cho Ngân hàng thì Ngân hàng kính đề nghị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà cho phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô mang nhãn hiệu MAZDA, biển kiểm soát: 43A 199.92, có số khung: PE10326286; số máy: 5726GC032607; số loại: CX-5 2.0G; dung tích: 1988cm^3; màu sơn: Xanh; số chỗ ngồi: 05 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Từ Văn N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 032525 cấp ngày 10/01/2017 tại Công an thành phố Đà Nẵng.

** Bị đơn ông Từ Văn N trình bày:*

Tôi xác nhận hiện nay còn nợ Ngân hàng TMCP N tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/11/2022 là: 626.600.418 đồng *(Sáu trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm ngàn bốn trăm mười tám đồng).* Trong đó nợ gốc: 430.000.000 đồng; nợ lãi: 196.600.418 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền trên, tôi đồng ý và có nguyện vọng xin được trả dứt điểm tổng số nợ trên trong vòng 02 tháng (từ ngày 16.11.2022 đến ngày 16.01.2023).

Nếu vi phạm cam kết thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản mà tôi đã thế chấp cho Ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay tôi không quản lý tài sản thế chấp này vì đã cho người khác mượn, chưa xác định được nhân thân lai lịch của người này.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục

quy định của BLTTDS. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N đối với ông Từ Văn N là có cơ sở, yêu cầu về cách tính lãi cũng như việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N, buộc ông Từ Văn N phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/11/2022 là: **626.600.418 đồng** *(Sáu trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm ngàn bốn trăm mười tám đồng)*. Trong đó nợ gốc: 430.000.000 đồng; nợ lãi: 196.600.418 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 17/11/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 0184/2019/408-CV do các bên ký kết ngày 28/01/2019.

Trường hợp ông Từ Văn N không trả được nợ thì cho xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe tô ô nhãn hiệu MAZDA, biển kiểm soát: 43A 199.92, có số khung: PE10326286; số máy: 5726GC032607; số loại: CX-5 2.0G; dung tích: 1988cm^3; màu sơn: Xanh; số chỗ ngồi: 05 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Từ Văn N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 032525 cấp ngày 10/01/2017 tại Công an thành phố Đà Nẵng để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi đại diện VKS phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP N với ông Từ Văn N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Ông Từ Văn N có vay tại Ngân hàng TMCP N theo hợp đồng tín dụng từng lần số 0184/2019/408-CV vào ngày 28/01/2019, với các nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 430.000.000 đồng.

- Thời hạn vay: 12 tháng.

- Lãi suất: 11%/năm. Lãi suất thay đổi định kỳ 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng;

- Mục đích vay: Vay tiêu dùng phục vụ đời sống.

- Dư nợ của khoản vay tạm tính đến ngày 28/03/2022 là: 577.397.521 đồng. Trong đó: nợ gốc: 430.000.000 đồng; nợ lãi: 147.397.521 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản nợ vay trên là xe ô tô mang nhãn hiệu MAZDA, biển kiểm soát: 43A 199.92, có số khung: PE10326286; số máy: 5726GC032607; số loại: CX-5 2.0G; dung tích: 1988cm^3; màu sơn: Xanh; số chỗ ngồi: 05 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Từ Văn N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 032525 cấp ngày 10/01/2017 tại Công an thành phố Đà Nẵng.

Tính đến ngày 28/3/2022, ông Nhật còn nợ Ngân hàng số tiền: 577.397.521 đồng. Trong đó; nợ gốc: 430.000.000 đồng; nợ lãi: 147.397.521 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông N phải thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng ông N vẫn cố tình trốn tránh.

Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng TMCP N đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ông Từ Văn N phải phải thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử: 16/11/2022 là: 626.600.418 đồng *(Sáu trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm ngàn bốn trăm mười tám đồng).* Trong đó nợ gốc: 430.000.000 đồng; nợ lãi: 196.600.418 đồng. Trường hợp ông N không trả được nợ thì cho xử lý tài sản bảo đảm của ông N tại Ngân hàng để thu hồi nợ.

Phía bị đơn Từ Văn N xác nhận có vay tiền tại Ngân hàng TMCP N tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/11/2022 là: 626.600.418 đồng *(Sáu trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm ngàn bốn trăm mười tám đồng).* Trong đó nợ gốc: 430.000.000

đồng; nợ lãi: 196.600.418 đồng. Ông N có nguyện vọng xin được trả dứt điểm tổng số nợ trên trong vòng 02 tháng (từ ngày 16.11.2022 đến ngày 16.01.2023).

Nếu vi phạm cam kết thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản mà ông đã thế chấp cho Ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay ông không quản lý tài sản thế chấp này vì đã cho người khác mượn, chưa xác định được nhân thân lai lịch của người này.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số 0184/2019/408-CV ngày 28/01/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP N với ông Từ Văn N trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[4]. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Từ Văn N đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi và gốc, vi phạm định kỳ trả nợ theo Điều 4 Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc để yêu cầu Nhật thanh toán nợ nhưng đến nay ông N vẫn chưa thanh toán được nợ cho Ngân hàng. HĐXX xét thấy ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP N yêu cầu Tòa án buộc ông N phải thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự và án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 nên cần được chấp nhận.

Đối với nguyện vọng của ông Từ Văn N xin được trả dứt điểm tổng số nợ trên trong vòng 02 tháng (từ ngày 16.11.2022 đến ngày 16.01.2023) thì đại diện nguyên đơn không đồng ý nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay là chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, biển kiểm soát: 43A 199.92, có số khung: PE10326286;

số máy: 5726GC032607; số loại: CX-5 2.0G; dung tích: 1988cm^3; màu sơn: Xanh; số chỗ ngồi: 05 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Từ Văn N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 032525 cấp ngày 10/01/2017 tại Công an thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0029/2019/408-BĐ ngày 28/01/2019 đã được Văn phòng Công chứng Nguyễn Hải S chứng nhận số: 1770, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/01/2019 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày, thì thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/6/2022 và ngày 22/6/2022, Tòa án có Thông báo yêu cầu ông Từ Văn N đem tài sản thế chấp đến Trụ sở TAND quận Sơn Trà để thực hiện việc xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng ông N không đem được tài sản đến, ông trình bày hiện nay ông không quản lý tài sản này mà đã cho người khác mượn, chưa xác định được nhân thân lai lịch người này. Do đó, Tòa án không thực hiện được việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp.

Để giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, ngày 11/7/2022 Toà án đã ban hành Công văn số 61/2022/CV-TA về việc đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đơn yêu cầu của Ngân hàng. Tuy nhiên, Ngân hàng không thực thủ tục đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng như đã yêu cầu mà trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng trình bày việc thế chấp tài sản được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, có tiến hành đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy việc thế chấp tài sản đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, có tiến hành đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng nên trong trường hợp ông Từ Văn Nhật không thanh toán nợ thì cần phải xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp với Điều 299 Bộ luật dân sự.

Trường hợp ông Từ Văn N hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng TMCP N phải hoàn trả lại cho ông Nhật Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 032525 cấp

ngày 10/01/2017 tại Công an thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Từ Văn N theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự.

[7] Các đề nghị của đại diện viện kiểm sát về nội dung vụ án tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[8] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* ông ông Từ Văn N phải chịu. Ông N phải hoàn lại số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP N là đúng với quy định tại Điều 157 và Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP N được chấp nhận nên bị đơn ông Từ Văn N phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Cụ thể số tiền ông Từ Văn Nhật phải chịu là: 29.064.016 đồng *(Hai mươi chín triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn không trăm mười sáu đồng).*

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản; Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016; Điều 463; Điều 466 và Điều 299 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Ngân hàng TMCP N đối với ông Từ Văn N.

1. Buộc ông Từ Văn N phải trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền: **626.600.418 đồng** *(Sáu trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm ngàn bốn trăm mười tám đồng).*

Trong đó nợ gốc: 430.000.000 đồng; nợ lãi: 196.600.418 đồng, lãi tạm tính đến ngày 16/11/2022 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/11/2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất (trong hạn, quá hạn) do các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng từng lần số 0184/2019/408-CV vào ngày 28/01/2019.

Xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Từ Văn N không trả được nợ thì tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô mang nhãn hiệu MAZDA, biển kiểm soát: 43A 199.92, có số khung: PE10326286; số máy: 5726GC032607; số loại: CX-5 2.0G; dung tích: 1988cm^3; màu sơn: Xanh; số chỗ ngồi: 05 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Từ Văn N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 032525 cấp ngày 10/01/2017 tại Công an thành phố Đà Nẵng được xử lý theo Điều 299 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ.

Trường hợp ông Từ Văn N hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng TMCP N phải hoàn trả lại cho ông N Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 032525 cấp ngày 10/01/2017 tại Công an thành phố Đà Nẵng đứng tên ôngTừ Văn N theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự.

2. Án phí DS- ST: 29.064.016 đồng *(Hai mươi chín triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn không trăm mười sáu đồng)* ông Từ Văn N phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 13.547.950 đồng *(Mười ba triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn chín trăm năm mươi đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 3334 ngày 16/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* ông ông Từ Văn Nhật phải chịu. Ông Nhật phải hoàn lại số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP N.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Đông Thanh